

Mã SV	Họ	Tên	P	Ngà	Bản	Bản	Bản	Giả	Lý	Ghi
		n	h	y	Si	sao	sao	sao	y	c
		ái	nh		Bản	GK	am	HS		
		học	g	T	Sin	kết	SV			
		bạ	NP	h	PV					
		TT	N							
		H								
K34.	Hồ Xuân	Lo	0	171						
105.		ng	287							
014										
K34.	Tạ Thành	Na	0	151	X					
105.		m	090							
021										
K34.	Trần Thị	Th	1	411	X					
105.		ươ	90							
041		ng								
K35.	Lê	Bã	0	230	X					
105.	Huỳnh	o	491							
001	Hoài									
K35.	Trần Thị	Bì	1	210	X				CK	
105.		nh	91						MT	
002										
K35.	Nguyễn	Di	0	300						
105.	Tiến	nh	488							
003										
K35.	Nguyễn	Du	0	200						
105.	Quốc	ân	190							
004										
K35.	Phạm	Dũ	0	121	X					
105.	Việt	ng	191							
006										
K35.	Nguyễn	Dũ	0	240	X		X		CK	
105.		ng	391						MT	
007										
K35.	Hồng	Đạ	0	160	X	X			CK	
105.	Hiếu	t	191						MT	
008										
K35.	Trần Thị	Hi	1	305	X				CK	
105.	Thu	ền	91						MT	
010										
K35.	Đoàn	Ho	0	250	X					
105.	Ngọc	àn	291							
011	Quốc	g								
K35.	Nguyễn	Hồ	1	501	X					
105.	Thu	ng	91							
012										
K35.	Phạm Thị	Hu	1	101						
105.	Như	yề	90							
013		n								
K35.	Võ Thị	Hu	1	220	X					

105. Lê yề 691		
014 n		
K35. Phạm Hư 0 281	X	
105. Thành ng 091		
015		
K35. Nguyễn Hư 0 130	X	
105. Trường ng 991		
016 Nguyễn		
K35. Nguyễn Hư 1 110		CK
105. Thị ơn 382		MT
017 Thanh g		
K35. Huỳnh Hư 1 221		
105. Lan ơn 090		
018 g		
K35. Thiều Thị Hư 1 250	X	
105. ờn 291		
019 g		
K35. Trần Thị La 1 161	X	
105. n 090		
020		
K35. Nguyễn Ly 1 290	X	
105. Thị Thu 491		
022		
K35. Mai Thị Mi 1 260	X	
105. ền 691		
023		
K35. Lê Thúy Ng 1 161	X	CK
105. ân 291		MT
024		,G BN H
K35. Lê Thị Ng 1 220		
105. Thúy ân 490		
025		
K35. Đồng Thị Ng 1 280	X	
105. Minh uy 591		
026 ệt		
K35. Trịnh Thị Ng 1 201	X	CK
105. Minh uy 191		MT
027 ệt		,G BN H
K35. Nguyễn Ng 0 121	X	
105. Ngọc ời 091		
028		
K35. Nguyễn Nh 1 260	X	
105. Thị Tuyết 191		
029		
K35. Huỳnh Ny 1 231	X	
105. Thị Diễm 291		

030				
K35. Võ Thị Ph	1 407	X		
105. Diễm úc	91			
032				
K35. Lâm Phú Qu	1 111	X		
105. yê	190			
033	n			
K35. Vũ TrọngQu	0 260			
105. ỳn	682			
034	h			
K35. Lê Thị Qu	1 305	X		
105. Như ỳn	91			
035	h			
K35. Trần Tâ	0 211			
105. Thanh m	089			
037				
K35. Nguyễn Tâ	1 702			
105. Thị n	90			
038				
K35. Nguyễn Tậ	0 200	X		
105. Phúc o	791			
039				
K35. Cao Th	1 180	X		
105. Nguyễn an	591			
040 Thế h				
K35. Lê Ngọc Th	1 905	X		
105. Phương ảo	91			
041				
K35. Chu Tất Tr	0 130			
105. an	886			
044	g			
K35. Trần Tri	0 240X	X		
105. Minh ền	691			
045				
K35. Lê Thị Tri	1 201			
105. Tuyết nh	90			
046				
K35. Trần Thị Tri	1 181	X		
105. Thùy nh	291			
047				
K35. Lê Thuỵ Tú	1 160	X		
105. Cẩm	491			
048				
K35. Võ Thúy Vâ	1 280	X		
105. n	491			
049				
K35. Bùi Thị Vu	1 180			
105. i	890			
051				
K35. Nguyễn Vy	1 270	X		

CK
MT

105. Tường 691

052

K35. Lê Thị Yế 1 150 X

105. Hoàng n 491

053